

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ và phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Công văn số 5990/VPCP-KSTT ngày 22/8/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc công bố, rà soát, đơn giản hoá TTHC nội bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 678/TTr-SNN ngày 25/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 40 thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La (Có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Hương (3b);

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

PHỤ LỤC I
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRONG TỈNH SƠN LA
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

Stt	Tên TTHC nội bộ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
1	Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên phạm vi toàn tỉnh	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung.	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và PTNT
3	Xác định, công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa.	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và PTNT
4	Ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và PTNT
5	Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và PTNT
6	Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và PTNT
7	Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của cấp huyện.	Thú Y	Sở Nông nghiệp và PTNT
8	Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh.	Thú Y	Sở Nông nghiệp và PTNT
9	Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh.	Thú Y	Sở Nông nghiệp và PTNT
10			

	Công bố dịch bệnh động vật thủy sản.	Thú Y	Sở Nông nghiệp và PTNT
11	Công bố vùng dịch bệnh động vật trên cạn bị uy hiếp.	Thú Y	Sở Nông nghiệp và PTNT
12	Công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản	Thú Y	Sở Nông nghiệp và PTNT
13	Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản của địa phương.	Thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT
14	Phê duyệt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.	Thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT
15	Phê duyệt Kế hoạch triển khai dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ nguồn ngân sách địa phương	Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT
16	Thu hồi bằng Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống	Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT
17	Xét thăng hạng viên chức từ Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III lên Quản lý bảo vệ rừng viên hạng II.	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh
18	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng viên hạng IV lên Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III.	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh
19	Xét thăng hạng viên chức từ Khuyến nông viên hạng III lên Khuyến nông viên hạng II.	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh
20	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên khuyến nông hạng IV lên Khuyến nông viên hạng III.	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh
21	Xét thăng hạng viên chức từ Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III lên Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng II.	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh
22	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV lên Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III.	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh

23	Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III lên Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng II.	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh
24	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm tra vệ sinh thú y hạng IV lên Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III.	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh
25	Xét thăng hạng viên chức từ Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III lên Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II.	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh
26	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV lên Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III.	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh
27	Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III lên Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II.	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh
28	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm giống cây trồng hạng IV lên Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III.	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh
29	Xét thăng hạng viên chức từ Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III lên Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II.	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh
30	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV lên Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh
31	Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III lên Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng II.	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh
32	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm thuốc thú y hạng IV lên Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III.	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh
33	Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III lên Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng II.	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh

34	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm chăn nuôi hạng IV lên Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III.	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh
35	Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III lên Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng II.	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh
36	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm thủy sản hạng IV lên Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III.	Tổ chức cán bộ	Theo phân cấp của UBND tỉnh
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN		
1	Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của cấp xã.	Thú y	UBND cấp huyện
2	Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện	Thú y	UBND cấp huyện
3	Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện.	Thú y	UBND cấp huyện
4	Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn huyện	Trồng trọt	UBND cấp huyện

PHỤ LỤC II
QUY TRÌNH THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)*

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

**1. Tên thủ tục hành chính: Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất
lúa trên phạm vi toàn tỉnh**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào điều kiện thực tế của huyện đề xuất nhu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn huyện với UBND cấp tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT).

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật, đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện và đề nghị của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp cấp tỉnh, ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng trên đất trồng lúa phạm vi toàn tỉnh theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian ban hành trước 30/11 năm trước của năm kế hoạch.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa cấp tỉnh theo mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

f) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng
trên đất trồng lúa cấp tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../... của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La quy định về chức năng, nhiệm vụ của tỉnh;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm.....

(Chi tiết bản kế hoạch kèm theo)

Điều 2.

Điều 3.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
-
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

**KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI
CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA CẤP TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../...
của Chủ tịch Ủy ban dân dân tỉnh Sơn La)

Đơn vị tính: ha

Stt	Huyện	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất lúa còn lại		
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương	
	Tổng số:					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản					
	Trong đó:					
1	Huyện A					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản					
2	Huyện B					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản					
3	Huyện C					
					

2. Tên thủ tục hành chính: Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung

- a) Trình tự thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung phù hợp với quy hoạch.
- b) Cách thức thực hiện: Không quy định
- c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định
- d) Thời hạn giải quyết: Không quy định
- e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định
- g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.
- h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung.
- f) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.
- k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 2, Điều 62, Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018.

3. Tên thủ tục hành chính: Xác định, công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa

- a) Trình tự thực hiện: UBND cấp tỉnh xác định, công bố vùng và hướng dẫn áp dụng quy trình sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa.
- b) Cách thức thực hiện: Không quy định
- c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định
- d) Thời hạn giải quyết: Không quy định
- e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định
- g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh
- h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa.
- f) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.
- k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 4, Điều 71, Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018.

4. Tên thủ tục hành chính: Ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.

- Bước 2: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh Quyết định ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.

- Bước 3: Trong thời hạn chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Trồng trọt) để tổng hợp.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn .

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.

f) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư liên tịch số 22/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu.

5. Tên thủ tục hành chính: Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Báo cáo tình hình sinh vật gây hại Căn cứ điều kiện công bố dịch hại thực vật quy định tại Điều 4 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP, Chi cục Bảo vệ thực vật/Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình dịch hại, các số liệu thực tế chứng minh đủ điều kiện công bố dịch và sự cần thiết phải công bố dịch, đề xuất phạm vi công bố dịch và các giải pháp chống dịch.

- Bước 2: Quyết định công bố dịch hại thực vật

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào báo cáo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công bố dịch đối với trường hợp sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật và báo cáo ngay Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền công bố dịch thành lập Hội đồng tư vấn để lấy ý kiến. Hội đồng do người có thẩm quyền công bố dịch hoặc cấp phó của người đó làm Chủ tịch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Chủ tịch, thành viên là đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan và các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo vệ thực vật. Hội đồng tư vấn có trách nhiệm xem xét báo cáo của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, đề xuất với người có thẩm quyền về việc công bố dịch, phạm vi công bố dịch, các giải pháp chống dịch.

- Bước 3: Công bố Quyết định Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi công bố dịch, Quyết định công bố dịch phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương; chính quyền địa phương nơi công bố dịch phải thông báo cho chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn biết và thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị công bố dịch của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV*);

- Báo cáo tình hình sinh vật gây hại của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV*);

- Dự thảo Quyết định công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV*).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố dịch hại thực vật (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV*).

f) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

- Tờ trình đề nghị công bố dịch của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV*);

- Báo cáo tình hình sinh vật gây hại của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV*);

- Dự thảo Quyết định công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV*).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Công bố dịch hại thực vật trong trường hợp: Khi sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật.

- Đối với sinh vật gây hại thực vật không thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật, không phải là sinh vật gây hại lạ thì phải đảm bảo hai điều kiện sau:

+ Sinh vật gây hại thực vật gia tăng đột biến cả về số lượng, diện tích, mức độ gây hại so với trung bình của 02 (hai) năm trước liền kề của thời điểm công bố dịch và dự báo của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp tỉnh trở lên; có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, ảnh hưởng nghiêm

trọng đến sản xuất, môi trường, đời sống nhân dân, vượt quá khả năng kiểm soát của chủ thực vật.

+ Các biện pháp quản lý sinh vật gây hại đã được chủ thực vật áp dụng theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật nhưng chưa đạt hiệu quả, phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh trong một thời gian nhất định để nhanh chóng không chế, dập tắt dịch.

- Đối với sinh vật gây hại thực vật là đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ xuất hiện hoặc xâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam, có nguy cơ thiết lập quần thể, lây lan ra diện rộng mà phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh để nhanh chóng bao vây và xử lý triệt để đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013;
- Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật;
- Tiêu chuẩn cơ sở 661:2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ0BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng cục Bảo vệ thực vật.

Số: /TTr-SNN

Sơn La, ngày tháng năm 20

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị công bố dịch (tên dịch hại)
trên (tên cây trồng) trên địa bàn

Kính gửi: Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La

Nội dung tờ trình gồm 3 phần như sau:

Phần 1: Nêu lý do đưa ra nội dung trình duyệt.

Phần 2: Nội dung và căn cứ các vấn đề cần đề xuất (trong đó có các phương án chống dịch khả thi).

Phần 3: Kiến nghị cấp trên (hỗ trợ, bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện việc chống dịch hiệu quả).

(Đính kèm Báo cáo tình hình dịch hại thực vật đề nghị công bố dịch tại địa phương của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, TTBVTV.

GIÁM ĐỐC

UBND TỈNH SON LA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-SNN

Son La, ngày tháng năm 20

BÁO CÁO

Tình hình (tên sinh vật gây hại) (tên cây trồng) trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: UBND tỉnh Sơn La

I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI

1. Thời tiết (tỉnh/vùng): Tình hình thời tiết hiện tại có liên quan đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng và dịch hại.
2. Các giai đoạn sinh trưởng, phát triển; tổng diện tích gieo trồng, giống, giai đoạn sinh trưởng của cây trồng trong thời điểm hiện tại.
3. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại: Thống kê diện tích nhiễm, mật độ, tỷ lệ của dịch hại, so sánh với cùng kỳ 2 năm trước liền kề (bảng thống kê kèm theo).

II. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT ĐÃ THỰC HIỆN

1. Các biện pháp kỹ thuật, tổ chức chỉ đạo đã thực hiện (các biện pháp kỹ thuật đã áp dụng để xử lý, thời gian áp dụng các biện pháp xử lý, các văn bản chỉ đạo phòng trừ đã thực hiện).
2. Kết quả phòng trừ.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố đến phát sinh, hình thành dịch Gồm: Giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây trồng; Các yếu tố canh tác, mật độ gieo trồng; Yếu tố thời tiết; Tuổi sâu, tỷ lệ/cấp bệnh; Diện tích, mức độ môi giới truyền bệnh (nếu là dịch hại có môi giới truyền bệnh); Nguồn dịch hại trên ký chủ phụ có khả năng lan truyền.
2. Dự kiến:
 - Diện tích nhiễm, mức gây hại của dịch hại trong thời gian tới;
 - Khoảng thời gian (cao điểm) bùng phát dịch hại;
 - Địa điểm bùng phát dịch hại;
 - Khả năng gây thiệt hại năng suất (%)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, TTBVTV.

GIÁM ĐỐC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố dịch (tên dịch hại) hại (tên cây trồng)
trên địa bàn (xã/huyện/tỉnh)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Các căn cứ pháp lý;

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số ...
ngày ... tháng... năm*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố dịch (tên dịch hại)..... hại (tên cây trồng) trên phạm vi (xã/huyện/tỉnh)..... từ ngày

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể):

- Khẩn trương thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành khi có công bố dịch. Báo cáo thường xuyên về diễn biến tình hình dịch bệnh, kết quả chỉ đạo chống dịch;

- Tham mưu xây dựng dự toán kinh phí chống dịch; bố trí kinh phí đầy đủ để tổ chức chống dịch bệnh; khôi phục sản xuất;

- Tổ chức tuyên truyền cho nông dân về tác hại ... và biện pháp chống dịch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các cơ quan đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Bảo vệ thực vật;
- Lưu: VT, SNN.

CHỦ TỊCH

6. Tên thủ tục hành chính: Công bố Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch

Khi dịch hại thực vật đã được khống chế và không còn nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng thì Chi cục Bảo vệ thực vật/ Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch với Chủ tịch UBND cấp tỉnh

- Bước 2: Quyết định công bố hết dịch hại thực vật Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào báo cáo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công bố hết dịch đối với trường hợp sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật.

- Bước 3: Công bố Quyết định

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi người có thẩm quyền ký Quyết định công bố hết dịch, Quyết định phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị công bố hết dịch hại thực vật của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Phụ lục 6 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV*);

- Dự thảo Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh (*Phụ lục 7 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV*).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố hết dịch

f) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Tờ trình đề nghị công bố hết dịch hại thực vật của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Phụ lục 7 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV*).

- Dự thảo Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn tỉnh (*Phụ lục 7 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV*).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Khi dịch hại thực vật đã được khống chế và không còn nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng thì người có thẩm quyền công bố hết dịch.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013;

- Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

- Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố dịch (tên dịch hại) hại (tên cây trồng)
trên địa bàn (xã/huyện/tỉnh)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Các căn cứ pháp lý;

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số: ...
ngày ... tháng... năm*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố dịch (tên dịch hại)..... hại (tên cây trồng) trên phạm vi (xã/huyện/tỉnh)..... từ ngày

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể):

- Khẩn trương thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành khi có công bố dịch. Báo cáo thường xuyên về diễn biến tình hình dịch bệnh, kết quả chỉ đạo chống dịch;

- Tham mưu xây dựng dự toán kinh phí chống dịch; bố trí kinh phí đầy đủ để tổ chức chống dịch bệnh; khôi phục sản xuất;

- Tổ chức tuyên truyền cho nông dân về tác hại ... và biện pháp chống dịch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các cơ quan đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Bảo vệ thực vật;
- Lưu: VT, SNN.

CHỦ TỊCH

Số: /TTr-SNN

Sơn La, ngày tháng năm 20

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị công bố hết dịch (tên dịch hại)
trên (tên cây trồng) trên địa bàn

Kính gửi: Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La

Nội dung Tờ trình gồm 3 phần chính:

Phần 1: Nêu lý do đưa ra nội dung trình duyệt.

Phần 2: Nội dung và căn cứ các vấn đề cần đề xuất.

Phần 3: Kiến nghị cấp trên.

(Đính kèm báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, TTbVTV.

GIÁM ĐỐC

7. Tên thủ tục hành chính: Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của cấp huyện

- a) Trình tự thực hiện:
- Bước 1: Chủ tịch UBND cấp huyện đề xuất Chủ tịch UBND cấp tỉnh việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.
 - Bước 2: Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương.
- b) Cách thức thực hiện: Không quy định.
- c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.
- d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.
- e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ tịch UBND cấp huyện.
- f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.
- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp tỉnh.
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.
- h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.
- l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y.

8. Tên thủ tục hành chính: Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh

- a) Trình tự thực hiện:
- Bước 1: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh đề nghị Chủ tịch UBND cấp tỉnh công bố dịch bệnh động vật.
 - Bước 2: Chủ tịch UBND cấp tỉnh công bố dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Thú y.
- b) Cách thức thực hiện: Không quy định.
- c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.
- d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.
- e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.
- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp tỉnh .

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố dịch bệnh động vật trên cạn.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Công bố dịch bệnh động vật trên cạn khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới;

- Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y.

9. Tên thủ tục hành chính: Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh đề nghị Chủ tịch UBND cấp tỉnh công bố hết dịch bệnh động vật.

- Bước 3: Chủ tịch UBND cấp tỉnh công bố hết dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Thú y.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh;

- Văn bản chấp thuận công bố hết dịch của Cục Thú y;

- Biên bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch của Cục Thú y.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

e) Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Việc công bố hết dịch bệnh động vật bao gồm các điều kiện sau đây:

- Trong thời gian 21 ngày kể từ ngày con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết, bị tiêu hủy, giết mổ bắt buộc hoặc lành bệnh mà không có con vật nào bị mắc bệnh hoặc chết vì dịch bệnh động vật đã công bố;

- Đã phòng bệnh bằng vắc-xin cho động vật miễn cảm với bệnh dịch được công bố đạt tỷ lệ trên 90% số động vật trong diện tiêm trong vùng có dịch và trên 80% số động vật trong diện tiêm trong vùng bị dịch uy hiếp hoặc đã áp dụng biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho động vật miễn cảm với bệnh trong vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y;

- Thực hiện tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT đối với vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn tại mục 5 của Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT, bảo đảm đạt yêu cầu vệ sinh thú y;

- Có văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương và văn bản chấp thuận công bố hết dịch gửi kèm theo biên bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp trên.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y;
- Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

10. Tên thủ tục hành chính: Công bố dịch bệnh động vật thủy sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố dịch bệnh động vật.

- Bước 2: Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị công bố dịch bệnh động vật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thú y.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Văn bản đề nghị công bố dịch của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

d) Thời hạn giải quyết: 24 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị công bố dịch bệnh động vật.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Người có thẩm quyền quyết định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Công bố dịch bệnh động vật thủy sản.

- h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Công bố dịch bệnh động vật thủy sản khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới;

- Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật;

- Có văn bản đề nghị công bố dịch của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

- l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y;

- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

11. Tên thủ tục hành chính : Công bố vùng dịch bệnh động vật trên cạn bị uy hiếp

- a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trường hợp vùng biên giới nước láng giềng có dịch bệnh động vật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công bố vùng dịch uy hiếp trong phạm vi 5 km tính từ biên giới.

- Bước 2: Chủ tịch UBND cấp tỉnh báo cáo ngay cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

- c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

- d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

- f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch UBND cấp tỉnh

- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố vùng dịch bệnh động vật trên cạn bị uy hiếp.

- h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Công bố dịch bệnh động vật thủy sản khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới;
- Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật;
- Có văn bản đề nghị công bố dịch của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y;
- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

12. Tên thủ tục hành chính: Công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sau ít nhất 15 ngày kể từ ngày xử lý xong ổ dịch cuối cùng mà không phát sinh ổ dịch mới và đã thực hiện các biện pháp quy định tại điểm b, c Khoản 1 Điều 36 của Luật Thú y, Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản có báo cáo bằng văn bản và đề nghị Cục Thú y thẩm định Điều kiện công bố hết dịch.

- Bước 2: Cục Thú y trực tiếp hoặc ủy quyền cho Cơ quan Thú y vùng tổ chức thẩm định Điều kiện công bố hết dịch trong thời gian không quá 48 giờ đối với các xã thuộc vùng đồng bằng hoặc 72 giờ đối với các xã thuộc vùng sâu, vùng xa kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

- Bước 3: Ngay sau khi hoàn thành việc thẩm định Điều kiện công bố hết dịch, Cục Thú y hoặc Cơ quan Thú y được ủy quyền có văn bản trả lời Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản để tổng hợp báo cáo và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố hết dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 của Luật thú y; trường hợp Điều kiện công bố hết dịch chưa bảo đảm, Cục Thú y hoặc Cơ quan Thú y được ủy quyền hướng dẫn Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thực hiện các biện pháp cần thiết đáp ứng Điều kiện công bố hết dịch.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ Chi cục Thú y gửi Cục Thú y thẩm định: Văn bản đề nghị thẩm định Điều kiện công bố hết dịch.

- Hồ sơ Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản đề nghị Chủ tịch UBND cấp tỉnh công bố hết dịch:

+ Văn bản trả lời của Cục Thú y;

+ Tổng hợp báo cáo thẩm định Điều kiện công bố hết dịch.

d) Thời hạn giải quyết: Thẩm định Điều kiện công bố hết dịch trong vòng 48 giờ đối với các xã thuộc vùng đồng bằng hoặc 72 giờ đối với các xã thuộc vùng sâu, vùng xa kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Người có thẩm quyền quyết định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp, thẩm định: Cục Thú y.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố dịch bệnh động vật thủy sản.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Điều kiện để công bố hết dịch bệnh động vật bao gồm:

- Không phát sinh ổ dịch bệnh động vật mới kể từ khi ổ dịch bệnh động vật cuối cùng được xử lý theo quy định đối với từng bệnh;

- Đã áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho động vật mắc cảm với bệnh dịch bệnh động vật trong vùng có dịch;

- Đã thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y đối với vùng có dịch;

- Có văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh và được Cục Thú y thẩm định, công nhận.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y;

- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

13. Tên thủ tục hành chính: Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản của địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản và phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng, điều chỉnh Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản của địa phương, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bước 2: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh phê duyệt, điều chỉnh và bố trí kinh phí triển khai thực hiện.

- Bước 3: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản gửi Kế hoạch đã được phê duyệt, điều chỉnh đến Cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y để phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản của địa phương.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y;

- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

14. Tên thủ tục hành chính: Phê duyệt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản

a) Trình tự thực hiện: Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Xây dựng kế hoạch

Hàng năm, Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản và báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bước 2: Trình phê duyệt kế hoạch.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Kế hoạch và dự toán kinh phí trước ngày 30/11 hàng năm.

- Bước 3: Gửi kế hoạch đã được phê duyệt đến Cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y để phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát thực hiện.

a) Cách thức thực hiện: Không quy định.

b) Thành phần, số lượng hồ sơ: Dự thảo kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

- c) Thời hạn giải quyết: Trước ngày 30/11 hằng năm.
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- d) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
 - Người có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.
- h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.
- l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Thông tư quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

15. Tên thủ tục hành chính: Phê duyệt Kế hoạch triển khai dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ nguồn ngân sách địa phương

1. Trình tự thủ tục

a) Bước 1: Cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan ở cấp huyện khảo sát lập đề xuất dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để xây dựng, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm.

b) Bước 2: Căn cứ dự toán ngân sách hàng năm, kinh phí hỗ trợ xây dựng dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Kế hoạch triển khai, thực hiện.

c) Bước 3: Cơ quan quản lý nhà nước về ngành nghề nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

d) Bước 4: Cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan ở địa phương được giao kinh phí hỗ trợ, xây dựng dự án phát triển ngành nghề nông thôn phê duyệt kế hoạch và hướng dẫn triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Đề xuất dự án phát triển ngành nghề nông thôn.

4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan ở cấp huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Trường hợp đủ điều kiện hỗ trợ: Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành về triển khai dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ nguồn ngân sách địa phương.

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện trình phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan ở cấp huyện biết và nêu rõ lý do.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đúng quy định của pháp luật

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 52/2018/NĐ-Cp ngày 09/4/2018 của Chính phủ về việc phát triển ngành nghề nông thôn.

16. Tên thủ tục hành chính: Thu hồi bằng Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Trình tự thủ tục

a) Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình thực hiện và danh sách nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống không đảm bảo các tiêu chí quy định.

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp Báo cáo tình hình thực hiện và danh sách nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận không đạt các tiêu chí quy định, đề nghị thu hồi bằng công nhận, gửi về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

b) Bước 2: Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để giải quyết.

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề xuất, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định: Thành phần gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc lãnh đạo sở, ban, ngành theo ủy quyền; các thành viên gồm lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; đại diện lãnh đạo sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Tài chính và các sở, ban, ngành lĩnh vực chuyên môn và các chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

- Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định. Nếu đủ điều kiện, Hội đồng thẩm định ban hành báo cáo thẩm định sau 02 ngày họp thẩm định.

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện trình phê duyệt, sau 3 ngày họp Hội đồng thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện biết và nêu rõ lý do.

c) Bước 3: Phê duyệt Quyết định

- Sau 05 ngày sau khi Hội đồng thẩm định ban hành báo cáo thẩm định và căn cứ các văn bản pháp luật hiện hành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quyết định thu hồi bằng công nhận.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các văn bản có liên quan gửi kèm theo Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thu hồi bằng công nhận.

2. Cách thức thực hiện

Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

- Báo cáo tình hình thực hiện và danh sách nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận không đạt các tiêu chí quy định, đề nghị thu hồi bằng công nhận theo mẫu số 01.

- Tài liệu chứng minh nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận không đạt các tiêu chí quy định.

4. Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ).

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện trình phê duyệt: Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện trình phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện biết và nêu rõ lý do.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Báo cáo tình hình thực hiện và danh sách nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận không đạt các tiêu chí quy định, đề nghị thu hồi bằng công nhận theo mẫu số 01.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: đúng quy định pháp luật.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 52/2018/NĐ-Cp ngày 09/4/2018 của Chính phủ về việc phát triển ngành nghề nông thôn.

Mẫu số 01: Báo cáo tình hình thực hiện và danh sách nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận không đạt các tiêu chí quy định đề nghị thu hồi bằng công nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP HUYỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../BC-UBND

Sơn La, ngày..... tháng.....năm.....

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện và danh sách nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận không đạt các tiêu chí quy định, đề nghị thu hồi bằng công nhận

Kính gửi

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

I. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

II. KẾT QUẢ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA NGHỀ THÔNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

II. DANH SÁCH NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG CÔNG NHẬN KHÔNG ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ QUY ĐỊNH

STT	Tên các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận không đạt các tiêu chí quy định	Các tiêu chí không đạt	Nguyên nhân, lý do	Phòng, đơn vị của UBND cấp huyện xác nhận thẩm tra

II KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận không đạt các tiêu chí quy định./.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,.....

CHỦ TỊCH

17. Tên thủ tục hành chính: *(Xét thăng hạng viên chức từ hạng III lên hạng II, các số thứ tự 18; 20; 22; 24; 26; 28; 30; 32; 34; 36):* Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý bảo vệ rừng viên hạng II, Khuyến nông viên hạng II, Chẩn đoán bệnh động vật hạng II, Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II, Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II, Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II, Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng II, Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng II, Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng II, Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng II

*** Trình tự thực hiện:**

- Căn cứ văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II, trên cơ sở đề án vị trí việc làm, tiêu chuẩn, điều kiện CDNN và số lượng, cơ cấu viên chức theo CDNN đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý bảo vệ rừng viên hạng II, Khuyến nông viên hạng II, Chẩn đoán bệnh động vật hạng II, Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II, Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II, Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II, Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng II, Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng II, Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng II, Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng II theo đề xuất của các cơ quan, đơn vị.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ, tổng hợp danh sách người đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý bảo vệ rừng viên hạng II, Khuyến nông viên hạng II, Chẩn đoán bệnh động vật hạng II, Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II, Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II, Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II, Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng II, Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng II, Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng II, Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng II.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi Công văn kèm theo danh sách người đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý bảo vệ rừng viên hạng II, Khuyến nông viên hạng II, Chẩn đoán bệnh động vật hạng II, Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II, Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II, Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II, Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng II, Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng II, Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng II, Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng II cho cơ quan có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II.

- Tổ chức xét thăng hạng CDNN hạng II (do cơ quan có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng CDNN hạng II thực hiện).

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương CDNN hạng II đối với người trúng tuyển (do cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm theo phân cấp của UBND tỉnh thực hiện).

*** Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành (VNPT iOffice).

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

- * **Thời hạn giải quyết:** Không quy định.
- * **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Viên chức giữ chức CDNN nông nghiệp tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.
- * **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cơ quan được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của UBND tỉnh.
- * **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hạng II đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.
- * **Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.
- * **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.
- * **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không quy định.
- * **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
 - Luật Viên chức ngày 15/11/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019.
 - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.
 - Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng CDNN viên chức; Thông tư số 02/2023/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thông tư liên tịch số 38/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm nghiệm thủy sản; Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y; Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Trồng trọt và bảo vệ thực vật; Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng; Thông tư

số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

18. Tên thủ tục hành chính: *(Xét thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III, các số thứ tự 19; 21; 23; 25; 27; 31; 33; 35; 37):* Thủ tục xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III, Khuyến nông viên hạng III, Chẩn đoán bệnh động vật hạng III, Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III, Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III, Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III, Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III, Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III, Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III, Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III cho cơ quan có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III.

*** Trình tự thực hiện:**

- Trên cơ sở đề án vị trí việc làm, tiêu chuẩn, điều kiện CDNN và số lượng, cơ cấu viên chức theo CDNN đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách người đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng CDNN nghiệp Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III, Khuyến nông viên hạng III, Chẩn đoán bệnh động vật hạng III, Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II, Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III, Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III, Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III, Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III, Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III, Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III cho cơ quan có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III theo đề xuất của các cơ quan, đơn vị.

- Thu và thẩm định hồ sơ, lập danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng CDNN hạng III, xây dựng Đề án xét thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành nông nghiệp từ hạng IV lên hạng III trình UBND tỉnh phê duyệt chỉ tiêu.

- Tổ chức xét thăng hạng CDNN theo phân cấp

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương CDNN hạng III đối với người trúng tuyển theo phân cấp.

*** Cách thức thực hiện:** Trực tiếp.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Viên chức giữ chức CDNN nông nghiệp tại các cơ quan, đơn vị thuộc Sở.

*** Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III, Khuyến nông viên hạng III, Chẩn đoán bệnh động vật hạng III, Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III, Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III, Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III, Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III, Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III, Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III, Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III cho cơ quan có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

* **Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không quy định.

* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức ngày 15/11/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng CDNN viên chức; Thông tư số 02/2023/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thông tư liên tịch số 38/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm nghiệm thủy sản; Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y; Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Trồng trọt và bảo vệ thực vật; Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng; Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn./.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Tên thủ tục hành chính: Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của cấp xã

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ tịch UBND cấp xã trình UBND cấp huyện việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.
- Bước 2: Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương
 - b) Cách thức thực hiện: Không quy định.
 - c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.
 - d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.
 - đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ tịch UBND cấp xã.
 - e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.
- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện.
 - g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.
 - h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
 - i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
 - k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.
 - l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y.

2. Tên thủ tục hành chính: Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện công bố dịch bệnh động vật.

Bước 2: Chủ tịch UBND cấp huyện công bố dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Thú y.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị công bố dịch bệnh động vật trên cạn của Cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y cấp huyện.

+ Kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện.

d) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

- Người có thẩm quyền quyết định Chủ tịch UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố dịch bệnh động vật trên cạn.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Công bố dịch bệnh động vật trên cạn khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới;

- Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y.

3. Tên thủ tục hành chính: Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện công bố hết dịch bệnh động vật.

Bước 2: Chủ tịch UBND cấp huyện công bố hết dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Thú y.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của Cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y cấp huyện;

+ Văn bản chấp thuận công bố hết dịch của Cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y cấp tỉnh;

+ Biên bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

Người có thẩm quyền quyết định Chủ tịch UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Việc công bố hết dịch bệnh động vật bao gồm các điều kiện sau đây:

Trong thời gian 21 ngày kể từ ngày con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết, bị tiêu hủy, giết mổ bắt buộc hoặc lành bệnh mà không có con vật nào bị mắc bệnh hoặc chết vì dịch bệnh động vật đã công bố;

Đã phòng bệnh bằng vắc-xin cho động vật miễn cảm với bệnh dịch được công bố đạt tỷ lệ trên 90% số động vật trong diện tiêm trong vùng có dịch và trên 80% số động vật trong diện tiêm trong vùng bị dịch uy hiếp hoặc đã áp dụng biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho động vật miễn cảm với bệnh trong vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y;

Thực hiện tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT đối với vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn tại mục 5 của Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT, bảo đảm đạt yêu cầu vệ sinh thú y;

- Có văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương và văn bản chấp thuận công bố hết dịch gửi kèm theo biên bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp trên.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y;

- Thông tư số 07/2016/BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

4. Tên thủ tục hành chính: Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa trên địa bàn huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp xã và đề nghị của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp cấp huyện, ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng trên đất trồng lúa phạm vi toàn huyện theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Trước ngày 15/12 năm trước của năm kế hoạch

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp huyện

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa phạm vi toàn huyện theo mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

f) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN.....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng
trên đất trồng lúa cấp huyện**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../... của Ủy ban nhân dân quy định về chức năng, nhiệm vụ của huyện.....;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../... của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm.....;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm.....

(Chi tiết bản kế hoạch kèm theo)

Điều 2.

Điều 3.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
-
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

**KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI
CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../...

của Chủ tịch Ủy ban dân dân huyện

Đơn vị tính: ha

Stt	Xã/phường/thị trấn	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất lúa còn lại		
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương	
	Tổng số:					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản					
	Trong đó:					
1	Xã/phường/thị trấn A					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản					
2	Xã/phường/thị trấn B					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản					
3	Xã/phường/thị trấn C					
					